

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày 12 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 28/7/2025. Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/QĐST-DS ngày 22/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiên N, sinh năm 1971 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn L, xã M, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1960 (có mặt);

2. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Đều cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn L, xã M, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị V, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn L, xã M, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến N trình bày:* Từ năm 2006 đến tháng 12/2017 gia đình anh N có bán thức ăn chăn nuôi cho gia đình ông U, bà X, có lần bà X thanh toán trả tiền ngay, có lần bà X chịu, khi mua có ghi sổ theo dõi bán hàng. Chốt tiền nợ cộng dồn vợ chồng ông U, bà X còn nợ anh đến ngày 27/12/2017 là 23.230.000đ, sau đó vợ chồng bà X thu xếp trả thêm cho anh 10.200.000 đồng. Tính đến ngày 17/5/2023 vợ chồng bà X, ông U còn nợ vợ chồng anh 13.000.000 đồng. Nay anh N yêu cầu vợ chồng bà X, ông U phải trả vợ chồng anh N 13.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 17/5/2023 đến ngày xét xử vụ án.

** Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn U trình bày: Gia đình ông có mua cám thức ăn chăn nuôi hiện còn nợ tiền vợ chồng anh N 13.000.000 đồng như anh N trình bày là đúng. Nay anh N yêu cầu vợ chồng ông phải có trách nhiệm trả vợ chồng anh N 13.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo pháp luật là 10%/năm, kể từ ngày 17/5/2023 đến ngày xét xử vụ án. Vợ chồng ông chỉ đồng ý trả nợ gốc, không đồng ý trả nợ lãi.

2. Bà Vũ Thị X, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bà X vẫn không phối kết hợp để làm việc.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Dương Thị V, trình bày:* Chị là vợ anh Nguyễn Tiến N, chị hoàn toàn đồng ý với ý kiến anh N.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh N có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên. Chị V vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Ông U có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Khi mua cám có thỏa thuận khi nào bán lợn thì phải trả tiền cám, bà X vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có mặt làm việc theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay anh N có mặt. Chị V vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Ông U có mặt, bà X vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến N. Buộc vợ chồng bà Vũ Thị X, ông Nguyễn Văn U phải có trách nhiệm thanh toán

tra vợ chồng anh Nguyễn Tiến N, chị Dương Thị V 13.000.000 đồng tiền gốc và 3.019.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 16.019.000 đồng (mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn đồng). Ngoài ra còn đề nghị xử lý tiền án phí, tuyên lãi suất chậm thanh toán, việc thi hành án và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến N, khởi kiện đòi tiền mua cám thức ăn chăn nuôi với ông Nguyễn Văn U, bà Vũ Thị X; đều cư trú: Thôn L, xã X, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay là thôn L, xã M, tỉnh Bắc Ninh. Nội dung: Căn cứ sổ theo dõi mua cám do anh N xuất trình, thì anh N có bán cám thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông U, bà X nhiều lần, tính đến ngày 17/5/2023, vợ chồng ông U, bà X còn nợ anh N 13.000.000 đồng. Nay anh N yêu cầu vợ chồng ông U, bà X có trách nhiệm trả vợ chồng anh N 13.000.000 đồng tiền cám còn nợ và lãi suất 10%/năm trên số tiền còn nợ 13.000.000 đồng kể từ ngày 17/5/2023 đến ngày xét xử vụ án. Như vậy xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi lại tiền gốc và lãi suất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh N có mặt. Chị V vắng mặt có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Ông U có mặt, bà X vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên từ năm 2006 vợ chồng anh N có bán cám thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông U, bà X nhiều lần. Sau khi xuất bán lợn, vợ chồng bà X, ông U lại mang tiền sang trả tiền cám cho vợ chồng anh N, nhưng bớt lại một chút không trả hết. Các lần mua cám và trả tiền đều được ghi sổ theo dõi bán hàng và ký nhận. Tính đến ngày 17/5/2023 vợ chồng bà X, ông U còn nợ vợ chồng anh N 13.000.000 đồng tiền gốc mua cám chưa trả. Nay anh N yêu cầu vợ chồng bà X, ông U có trách nhiệm trả vợ chồng anh N 13.000.000 đồng tiền cám còn nợ

và lãi suất 10%/năm trên số tiền còn nợ 13.000.000 đồng kể từ ngày 17/5/2023 đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ.

[2.1] Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc: Số tiền gốc anh N khởi kiện 13.000.000 đồng, phù hợp với số liệu tiền gốc còn nợ được ghi trong bản gốc sổ theo dõi bán hàng do anh N xuất trình có chữ ký xác nhận của bà Vũ Thị X. Mặt khác phía ông U xác nhận vợ chồng ông U còn nợ gia đình anh N 13.000.000 đồng tiền cám, đây là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc mua cám 13.000.000 đồng của anh N là có căn cứ, phù hợp Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền lãi suất: Anh N yêu cầu vợ chồng ông U, bà X có trách nhiệm trả vợ chồng anh N tiền lãi suất 10%/năm trên số tiền còn nợ 13.000.000 đồng kể từ ngày 17/5/2023 đến ngày xét xử vụ án. Phía ông U xác định khi mua cám có thoả thuận sau khi bán lợn sẽ trả hết tiền cám, ông U đồng ý sẽ trả cho gia đình anh N 13.000.000 đồng tiền cám còn nợ và không đồng ý trả lãi suất như anh N yêu cầu. Như vậy xác định được vợ chồng ông U đã cố tình chiếm dụng vốn của anh N, gây thiệt hại về tiền vốn cho anh N. Nay anh N yêu cầu tính lãi suất của khoản tiền còn nợ là 10%/ năm kể từ ngày 17/5/2023 đến ngày xét xử vụ án là có căn cứ, xét là phù hợp cần chấp nhận theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được tính cụ thể như sau: Từ ngày 17/5/2023 đến ngày 12/9/2025 là 02 năm 03 tháng 26 ngày. Lãi suất cụ thể: 13.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 03 tháng 26 ngày = 3.019.000 đồng.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến N. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Vũ Thị X phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Nguyễn Tiến N, chị Dương Thị V 13.000.000 đồng tiền gốc và 3.019.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 16.019.000 đồng (mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn đồng). Xét là phù hợp Điều 357, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên lẽ ra vợ chồng ông U, bà X phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Nhưng vì vợ chồng ông U, bà X là người cao tuổi, nên cần miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông U, bà X. Hoàn trả anh N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội. Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến N. Buộc vợ chồng bà Vũ Thị X, ông Nguyễn Văn U phải có trách nhiệm thanh toán trả vợ chồng anh Nguyễn Tiến N, chị Dương Thị V 13.000.000 đồng tiền gốc và 3.019.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 16.019.000 đồng (mười sáu triệu không trăm mười chín nghìn đồng).

2. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng bà Vũ Thị X, ông Nguyễn Văn U. Hoàn trả anh Nguyễn Tiến N 358.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003952 ngày 28/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Bắc Ninh.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt, niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi